

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 04- 5- 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đ Đồng.

Ông Trần Xuân Tộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Văn S sinh năm 1997 tại Mỹ Đức – Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Phù Yên, xã PL, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn An và bà Phạm Thị Nga; vợ là Văn Thị Hạnh, có 01 con sinh năm 2018; tiền sự không.

- Tiền án: Có 1 tiền án. Tại bản án số: 07/2015/HSST ngày 23/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Lương S, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù về tội cướp tài sản, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Ông Nguyễn Viết Điều sinh năm 1976. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Nhời sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn ĐN, xã AM, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Viết Đ sinh năm 1999. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn ĐN, xã AM, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:* Cháu Nguyễn Viết Thành Hưng sinh năm 2008. Vắng mặt.

Người Đ diện theo pháp luật của cháu Hưng: Bà Bùi Thị Nhời sinh năm 1979 (mẹ đẻ). Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn ĐN, xã AM, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Khoảng 14 giờ ngày 21/6/2018, Nguyễn Viết Đ rủ và Ngô Văn S nhất trí, cùng nhau về trộm cắp tài sản của gia đình Đ. Đ bảo em trai Nguyễn Viết Thành Hưng đi chơi rồi mở nhạc to, cả hai vào buồng bê kết sắt ra khỏi vị trí ban đầu khoảng 80cm. Đ cùng S lật úp kết sắt xuống. Đ dùng rìu, dao, búa lấy từ trong bếp của gia đình đập từ phía sau kết sắt làm kết vỡ ra. Đ đưa tay vào lấy hết 39.000.000 đồng cho vào túi quần rồi cùng S bê kết sắt vào vị trí cũ, thu dọn mảnh vỡ của kết. Cùng lúc đó, bà Bùi Thị Nhời (mẹ của Đ) đi làm về hỏi Đ và S đã làm gì thì S trả lời đến chơi. Đ gọi taxi cùng S ra Hà Nội. Trên đường đi, Đ đếm tiền và nói với S là trộm được 39.000.000 đồng. Cả hai đi vào Đà Nẵng, Nghệ An ăn chơi hơn nửa tháng thì hết số tiền nói trên. Sau đó cùng nhau quay về Hà Nội, Đ đi đâu S không biết còn S biết bị truy nã nên lang thang nhiều nơi ở Hà Nội. Đến ngày 25/12/2019, S ra đầu thú.

Về số tiền đã chiếm đoạt: Do người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Cáo trạng số: 13/CT-VKS-MĐ ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Ngô Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 01 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo: Ngô Văn S từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết sai xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc kết luận: Ngày 21/6/2018, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Ngô Văn S đã cùng Nguyễn Viết Đ cạy kết sắt lém lút chiếm đoạt 39.000.000 đồng của ông Nguyễn Viết Điều, bà Bùi Thị Nhời. Hành vi của Nguyễn Viết Đ và Ngô Văn S cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do Nguyễn Viết Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử ở bản án khác (ngày 19/8/2019) nên không xử lý trong bản án này.

[3] Đa giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự, trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 01 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Song cũng xét, sau khi bị bắt và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng có tiền án: Tại bản án số 07/2015/HSST ngày 23/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Lương S, tỉnh Hòa Bình phạt 36 tháng tù về tội cướp tài sản nhưng không coi đó là bài học mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì thế, để phục vụ đắc lực cho hoạt động phòng chống tội phạm tại địa phương đang có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp thì cần kiên quyết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Ngô Văn S** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Áp dụng*: Khoản 01 Điều 173, điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51; điểm h khoản 01 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Ngô Văn S 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 24/12/2019.

2. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Ngô Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và người bào chữa của bị cáo; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình)

Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Công an huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 25/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức có yêu cầu định giá tài sản số 76. Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 76/KL-HĐĐG ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức kết luận: “01 đoạn dây cáp đồng treo loại 100 x2x0,5 mã cáp C-KDO/021A mã TS 5234; giá trị tài sản bị hủy hoại là 625.000 đồng. Chi phí vật tư,

nhân công lắp đặt, kéo, hãm, để khắc phục hệ thống thông tin liên lạc hoạt động trở lại, tổng giá trị phí là 1.591.000 đồng”.

Ngày 01/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức có yêu cầu định giá tài sản số 80. Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 78/KL-HĐĐG ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức kết luận: *“01 đoạn dây cáp đồng treo loại 100 x 2 x 0,5, Sacom mã cáp C-KDO/021A mã TS5234 bị cắt 34/7 m...giá trị còn lại tại thời điểm là 2.168.750 đồng, lấy tròn số 2.169.000 đồng”.*

Ngày 29/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức có yêu cầu định giá tài sản số 87. Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 92/KL-HĐĐG ngày 03/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức kết luận: *“01 đoạn dây cáp đồng treo loại 50 x 2 x 0,5, mã cáp C-KDO/011A/02 bị cắt giá trị tại thời điểm là 70.000 đồng”.*

Như vậy, giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 2.864.000 đồng; chi phí khắc phục thiệt hại là 1.591.000 đồng. Tổng cộng là 4.455.000 đồng.

Đối với 01 chiếc kim cộng lực, Lê Ngọc T lấy từ xưởng đá anh Nguyễn Viết Hà, anh Hà không biết về hành vi và mục đích sử dụng của T, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe máy T sử dụng để đi trộm cắp (*bị cáo không nhớ biển kiểm soát*), theo lời khai trong thời gian bỏ trốn Lê Ngọc T đã bán cho một người không quen biết tại khu vực xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa được 300.000 đồng nay không thu hồi lại được.

Về đối tượng đã tiêu thụ tài sản (*Lê Ngọc T khai nữ giới khoảng 38 tuổi*) song do bị cáo không xác định được các thông tin cá nhân cần thiết khác nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

- Về trích dẫn bản cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 08/CT-VKS-MĐ ngày 13/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lê Ngọc T về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 01 Điều 173; điểm h, i, s khoản 01 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo: Lê Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Nguyễn Ngọc A từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

+ *Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền là 4.455.000 đồng, phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.227.500 đồng. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại số tiền là 2.227.500 đồng. Bị cáo Lê Ngọc T phải bồi thường trả bị hại 2.227.500 đồng còn lại.

+ *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho ông Nguyễn Viết Hà 01 kim cộng lực dài 90cm, đường kính chuôi dài 3cm, phần tay cầm bọc nhựa màu vàng dài 11cm, phần thân kim màu đen dài 62cm, phần lưỡi cắt dài 17cm, bản rộng nhất 11cm.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về lời nói sau cùng của các bị cáo*: Các bị cáo đều xin được khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người Đ diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc kết luận: Từ ngày 14/8/2019 đến ngày 24/10/2019, tại địa bàn xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, Lê Ngọc T cùng Nguyễn Ngọc A đã thực hiện ba hành vi lén lút chiếm đoạt dây cáp viễn thông giá trị là 2.864.000 đồng; chi phí khắc phục thiệt hại là 1.591.000 đồng. Tổng thiệt hại là 4.455.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh.

Vụ án thuộc đồng phạm giản đơn nhưng bị cáo Lê Ngọc T là người khởi xướng, trực tiếp đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, thực hiện hành vi phạm tội tích cực hơn nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn nhằm cá thể hóa hình phạt.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Ngọc A có ông ngoại là người có công với cách mạng; bị cáo Lê Ngọc T biết sai đã chủ động ra đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 01 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và hiện đều là lao động chính trong gia đình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đảm bảo nguyên tắc nhân đạo của pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Thiệt hại do các bị cáo gây ra là 4.455.000 đồng nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường trả toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền trên; phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.227.500 đồng. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 2.227.500 đồng. Bị cáo Lê Ngọc T phải bồi thường trả bị hại 2.227.500 đồng còn lại.

[7] *Về xử lý vật chứng:* 01 kim cộng lực dài 90cm, đường kính chuôi dài 3cm, phần tay cầm bọc nhựa màu vàng dài 11cm, phần thân kim màu đen dài 62cm, phần lưỡi cắt dài 17cm, bản rộng nhất 11cm thuộc sở hữu của ông Nguyễn Viết Hà do ông Hà không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Ngọc A, Lê Ngọc T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Phạt: Nguyễn Ngọc A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

- *Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Phạt: Lê Ngọc T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Giao Nguyễn Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức; giao Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Bội Xuyên, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại số tiền là 2.227.500 đồng; bị cáo Lê Ngọc T phải bồi thường trả bị hại 2.227.500 đồng còn lại.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả lại ông Nguyễn Viết Hà 01 kim cộng lực dài 90cm, đường kính chuôi dài 3cm, phần tay cầm bọc nhựa màu vàng dài 11cm, phần thân kim màu đen dài 62cm, phần lưỡi cắt dài 17cm, bản rộng nhất 11cm.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/01/2020 giữa Công an huyện Mỹ Đức với Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức)

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Ngọc A, Lê Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Ngọc T còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nguyên tuyên án đối với các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình)

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Công an huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Thắng

